

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

VOSA CORPORATION



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2012**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 06/2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2013

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0300437898
- Vốn điều lệ : 116.500.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 116.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Phòng 801 (lầu 8), Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM.
- Số điện thoại : (84 - 8) 39140424 – 39140380
- Số fax : (84 - 8) 38214919 - 39140423
- Website : <http://www.vosa.com.vn>; <http://www.vosagroup.com>
- Mã cổ phiếu : VOSA

2. Quá trình hình thành và phát triển :

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989, Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993, Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005, Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006 : Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006 : Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006 : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số : 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày này. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 05 với mã số doanh nghiệp : 0300437898

- Các sự kiện khác :

+ Ngày 01/02/2007 : Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.

+ Ngày 13/03/2007 : Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).

+ Ngày 30/06/2011 : Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

+ Ngày 21/02/2012 : Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.

+ Ngày 13/03/2012 : Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh :

+ Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics; Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).

+ Vận tải đa phương thức quốc tế.

+ Kinh doanh kho bãi.

- Địa bàn kinh doanh :

+ Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cần Thơ, trong đó địa bàn kinh doanh chính là : Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

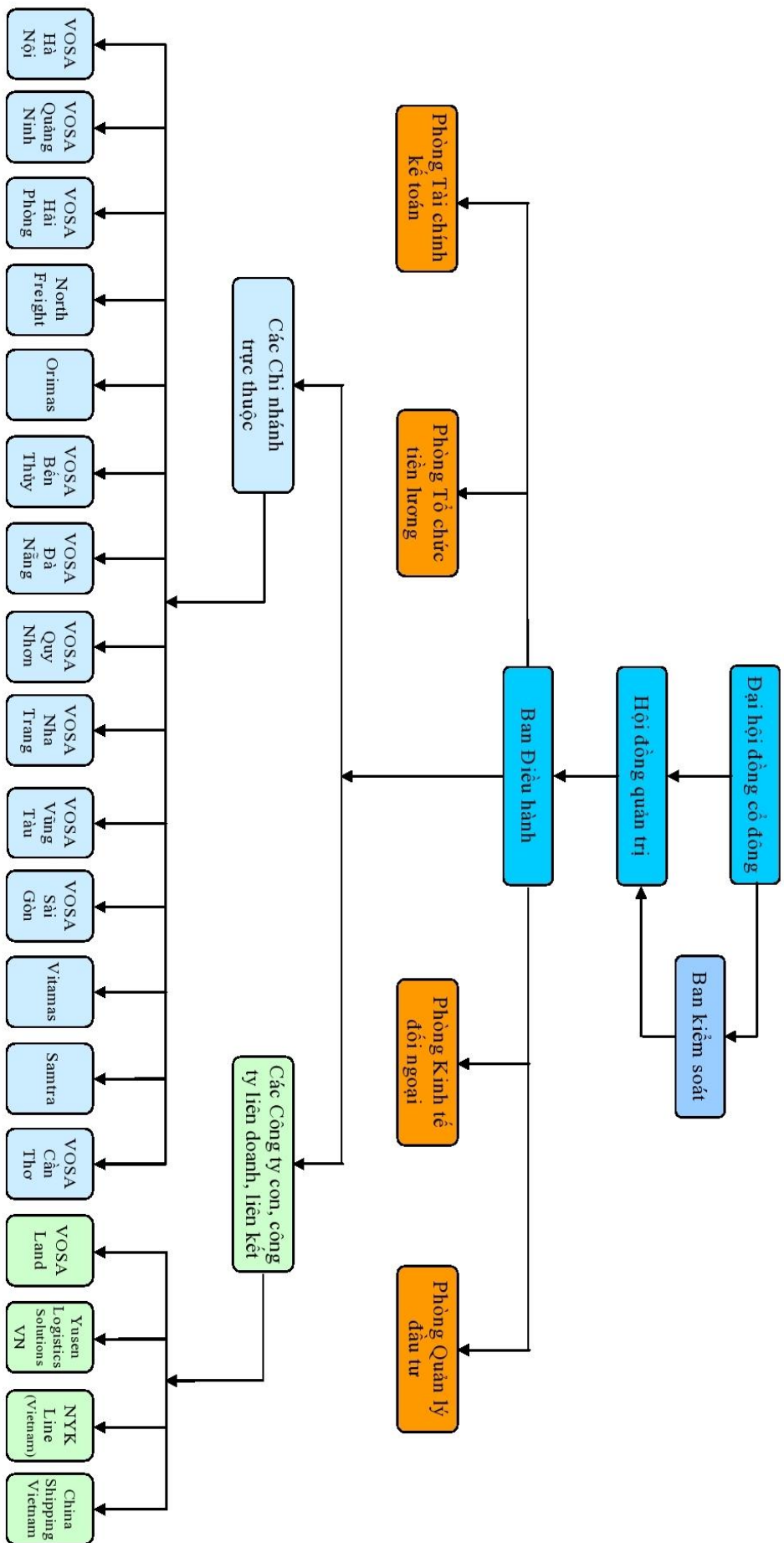
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

- Mô hình quản trị : Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng chức năng, các Chi nhánh trực thuộc, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý :

+ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 30/06/2011.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết :

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	204.000 USD	51
2	Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND)	7 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty con	Kinh doanh bất động sản. Xây dựng nhà các loại	51.000.000.000	51
3	Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng (Saigon Riverside Office Center lầu 6), P.BT, Q.1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển	196.000 USD	49
4	Công ty TNHH China Shipping (Việt Nam)	37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển	200.000 USD	40

- Các Công ty có góp vốn :

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
2	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
3	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
4	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03
5	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải (*)	Lương Hòa, Giồng Trôm, Bến Tre	Góp vốn	Giáo dục	500.000.000 đ	1,00

(*) Ngày 29/11/2012, Tổng công ty hàng hải Việt Nam đã có công văn số 2876/CV-HHVN v/v chuyển giao dự án thành lập Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Hàng hải cho tỉnh Bến Tre.

5. Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển nhanh và bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải, kho bãi và logistics; vận tải đa phương thức; khai thác cảng và thương mại xuất nhập khẩu.

+ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực, thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v. để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

+ Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

+ Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan; Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuỗi dịch vụ logistics như đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ hậu cần trọn gói cho khách hàng; tiếp tục đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Liên doanh, liên kết để khai thác tiềm năng nhà đất sẵn có của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

6. Các rủi ro :

- Năm 2013 tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và có nhiều biến động bất thường. Tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định vì vậy thị trường vận tải nói chung và dịch vụ hàng hải và logistics nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như sẽ được thực thi đầy đủ vào năm 2014, nên các công ty dịch vụ logistics lớn của nước ngoài sẽ có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt; các đối tác liên doanh với VOSA đã và đang tiến hành đàm phán để mua lại phần vốn góp của của VOSA trong các công ty liên doanh, vì vậy sẽ làm sụt giảm lợi nhuận của Công ty trong lĩnh vực đầu tư v.v. Sự thay đổi chính sách của Nhà nước như : tăng giá thuê đất, làm tăng chi phí doanh nghiệp, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi, gây ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD mà Công ty đặt ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Năm 2012 là năm thực sự khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu và đặc biệt là đối với ngành vận tải biển. Trong nước, ngành hàng hải và dịch vụ logistics tiếp tục mở cửa theo lộ trình cam kết WTO. Do sức cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp nội địa nên các tập đoàn hàng hải

quốc tế nắm giữ thị phần chi phối nên khi phát sinh thua lỗ do giá cước thấp và giá nhiên liệu tăng cao thì tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp nội địa làm đại lý.

- Kết quả SXKD năm 2012:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2011	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với 2011
Doanh thu	510 tỷ	610 tỷ	691 tỷ	120%	-12%
Tổng LNTT	38,5 tỷ	46,7 tỷ	45,3 tỷ	121%	3%

- Sự sụt giảm doanh thu của VOSA là do các nguyên nhân chính sau :

+ Năm 2012, Công ty gặp rất nhiều khó khăn khi lượng tàu phục vụ sụt giảm, chủ yếu chỉ phục vụ cho các khách hàng truyền thống, các thân chủ lớn về đại lý vận tải hoặc do khủng hoảng chung không ký được hợp đồng vận tải hàng hóa hoặc tách ra thành lập công ty riêng của họ tại Việt Nam và chấm dứt ủy thác đại lý khiến doanh thu từ dịch vụ đại lý vận tải giảm mạnh.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng so với năm 2011 là do các nguyên nhân sau :

+ Công ty đã tăng cường các biện pháp để tiết giảm chi phí. Cụ thể chi phí quản lý giảm 3% so với cùng kỳ, chi phí lãi vay giảm 95%.

+ Do thay đổi quy định về hạch toán kế toán, Công ty đã hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, xử lý chênh lệch số dư tỷ giá hối đoái tồn năm trước chuyển sang làm tăng lợi nhuận.

+ Phần lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết tăng 1,9 tỷ đồng tương đương 24%.

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số CMND Ngày cấp Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	01/07/2011	024257713 19/06/2012 TP. HCM	43/36 Cộng Hòa, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM	2.300	0.02
2	Hoàng Hoa Phòng	01/01/1958	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	05/10/2010	030740517 06/06/1998 Hải Phòng	5A Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	2.600	0.02
3	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ	08/10/2010	100595080 13/02/1995 Quảng Ninh	Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	900	0.01
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	06/08/2012	024280581 17/06/2004 TP. HCM	369/11 Nguyễn Thái Bình, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	1.200	0.01

- Những thay đổi trong ban điều hành :

+ Ngày 06/08/2012 Bà Nguyễn Thị Thanh Trang được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.

+ Ngày 06/08/2012 Ông Phạm Mạnh Cường – Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, để chuyên trách công việc của Chủ tịch HĐQT.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động :

+ Công ty đã xây dựng các quy chế tuyển dụng và đào tạo; quy chế chia lương, khen thưởng phúc lợi, có chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

+ Công ty đang tiếp xây dựng phương án phát triển nguồn nhân lực cho các kế hoạch trung và dài hạn; tiếp tục xây dựng cơ chế trả lương công bằng và linh hoạt hơn để đảm bảo đời sống CBCNV, đồng thời có thể tuyển dụng, đào tạo được các nhân sự cấp cao để kế thừa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên viên công ty và các chi nhánh đến tuổi nghỉ hưu.

+ Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty : 727 người.

+ Thu nhập bình quân : 11.698.897 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) Các khoản đầu tư lớn :

- Năm 2012, Công ty chỉ tập trung vào công việc sản xuất kinh doanh, không đầu tư vào các dự án lớn. Trong năm, Công ty chỉ có một khoản đầu tư duy nhất là mua mới 04 đầu kéo và 04 romooc cho Chi nhánh Đại lý vận tải Quốc tế Phía bắc (Northfreight) với tổng số tiền là 4 tỷ đồng.

• Tình hình thực hiện các dự án khác :

* Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn :

- Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TPHCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất của Cục thuế Thành phố với số tiền 86.126.564.320đồng (sau khi đã được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án). Hiện nay Công ty đang cùng với Công ty CP Bất động sản VOSALAND tiến hành thu xếp vốn để nộp tiền sử dụng đất nêu trên và tiến hành các thủ tục tiếp theo.

* Dự án văn phòng Vitamas :

- Dự án văn phòng Vitamas hiện tại đang tiến hành các thủ tục về đất. Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TPHCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất của Cục thuế Thành phố với số tiền 5.597.984.000 đồng. Hiện nay Công ty đang chuẩn bị kinh phí thực hiện.

* Các dự án đã hoàn thành trong năm 2011 đang chờ quyết toán :

- Dự án nhà kho thức ăn chăn nuôi Bunge – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt 45.109.000.000 đồng).

- Dự án mở rộng sân bê tông khu chứa gỗ dăm – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt 1.328.000.000 đồng).

- Dự án mở rộng đường vào khu kho bãi Cái Lân – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt 1.149.140.000 đồng).

- Dự án Sửa chữa cải tạo khu văn phòng cho thuê – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt 977.802.000 đồng).

- Dự án Phần Mềm quản lý doanh nghiệp ERP :

+ Công ty đã triển khai thực hiện Dự án Phần Mềm quản lý doanh nghiệp Lemon3-ERP để áp dụng cho toàn Công ty. Tổng giá trị Phần mềm ước tính khoảng 02 tỷ đồng. Thời gian thực hiện từ tháng 07/2011. Công ty đã đưa vào sử dụng thử nghiệm từ tháng 07/2012 và đạt kết quả tốt. Hiện nay Công ty đang phối hợp với Công ty DigiNet để hoàn thiện các modules. Dự kiến hoàn thành dự án tháng 07/2013.

b) Các công ty con, công ty liên kết :

* Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) : là công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics toàn cầu, công tác sản xuất kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, doanh thu năm 2012 tăng 34% so với năm 2011 nhưng lợi nhuận chỉ bằng 85% của năm 2011.

- Mối liên hệ : Công ty liên doanh.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2012 :

+ Doanh thu : 868.844.944.446 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 59.313.818.192 đồng.

* Công ty NYK Line Việt Nam : tình hình thị trường còn nhiều khó khăn, giá cước vận tải vẫn ở mức thấp. Sản lượng của công ty dù tăng 7,5% so với năm trước nhưng lợi nhuận sau thuế giảm do tiền vệ sinh container phải chuyển về cho hãng tàu từ tháng 4/2012. Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty cũng giảm mạnh so với năm trước.

- Mối liên hệ : Công ty liên doanh.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2012 :

+ Doanh thu : 55.570.087.089 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 15.540.095.269 đồng.

* Công ty TNHH China Shipping Việt Nam : về sản lượng, công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch do hãng tàu giao. Doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm đều tăng cao so với năm trước. Theo thỏa thuận với đối tác phía Trung Quốc, trong năm công ty đã làm thủ tục để thay đổi tỷ lệ vốn góp của họ trong liên doanh lên 60%. VOSA chỉ còn nắm giữ 40%.

- Mối liên hệ : Công ty liên doanh.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2012 :

+ Doanh thu : 50.204.270.978 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 10.787.104.646 đồng.

* Công ty Cổ phần Bất Động sản VOSA Land : tiếp tục xúc tiến các bước thủ tục để xin cấp giấy phép xây dựng cho dự án nhà văn phòng tại 1-2A Bến Vân Đồn.

- Môi liên hệ : Công ty con.
- Lĩnh vực hoạt động chính : Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại.
- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2012 :
 - + Doanh thu : 224.181.813 đồng.
 - + Lợi nhuận trước thuế : - 657.868.130 đồng.

4. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	461.385.510.432	483.674.358.122	4,83
Doanh thu thuần	691.702.768.116	610.090.537.747	-11,80
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.898.112.862	35.485.893.132	-1,15
Lợi nhuận khác	1.354.189.332	1.293.862.038	-4,45
Lợi nhuận trước thuế	45.300.963.833	46.735.918.086	3,17
Lợi nhuận sau thuế	36.069.215.914	38.419.718.220	6,52
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	8%	- 4,00

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,101	1,129	<i>Hàng tồn kho hầu như không có</i>
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,101	1,129	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,548	0,546	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,234	1,220	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	307.124	186.829	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,499	1,261	

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,052	0,063	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,176	0,177	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,078	0,079	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,052	0,058	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2012) :

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 11.650.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).

+ Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 5.005.935 cổ phần.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 6.644.065 cổ phần (đây là số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, BKS, cổ đông Nhà nước và cổ đông khác cầm cố).

b) Cơ cấu cổ đông :

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	8.782.903	75,38
2	Cổ đông cá nhân (841 cổ đông)	2.867.097	24,62
	Cộng 1 + 2	11.650.000	100,00
3	Cổ đông lớn	7.277.800	62,47
4	Cổ đông nhỏ (848 cổ đông)	4.372.200	37,53
	Cộng 3 + 4	11.650.000	100,00
5	Cổ đông trong nước (843 cổ đông)	9.906.500	85,04
6	Cổ đông nước ngoài (8 cổ đông)	1.743.500	14,96
	Cộng 5 + 6	11.650.000	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	5.947.800	51,05
8	Cổ đông khác	5.702.200	48,95
	Cộng 7 + 8	11.650.000	100,00
	851 cổ đông tổ chức và cá nhân	11.650.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có.

e) Các chứng khoán khác : Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2012 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2012 :

+ Doanh thu : 510.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 38.500.000.000 đồng.

- Đến cuối năm 2012, kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán :

Đơn vị tính : tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	510	610,09	119,6 %
2	Lợi nhuận trước thuế	38,5	45,054	120,0 %

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty luôn tăng trưởng kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới năm 2011 nhưng trước những nhận định, đánh giá về nền kinh tế của năm 2012 và dự tính cho hoạt động của công ty trong năm 2012 nên Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2012 thấp hơn so với kết quả thực hiện năm 2011.

- Trên thực tế, dù doanh thu tăng cao so với kế hoạch do một số thân chủ đại lý vận tải dù đã chấm dứt hợp đồng đại lý nhưng tiếp tục ủy thác một số công việc nên doanh thu tuy cao nhưng lợi nhuận thực tế không bằng những năm trước. Mặt khác, do công ty làm dịch vụ trọn gói thay mặt chủ hàng và xuất hóa đơn cho một số lô hàng nên doanh thu cũng tăng lên; công tác vận chuyển quãng sắt xuất khẩu dự kiến không thực hiện được trong năm 2012 nhưng do một số thay đổi về chính sách của nhà nước nên việc vận chuyển quãng sắt được thực hiện từ tháng 12/2012 góp phần làm tăng doanh thu so với kế hoạch dự kiến.

- Doanh thu giảm sút so với năm trước thì lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính cũng sẽ giảm sút tương ứng khi chi phí đầu vào ngày một tăng cao do biến động về giá xăng dầu và chi phí nhân công tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của công ty tăng hơn so với dự kiến ban đầu do lợi nhuận từ các công ty liên doanh chuyển về cao hơn năm trước và lãi do chênh lệch tỷ giá kết chuyển toàn bộ theo quy định của nhà nước (Lãi chênh lệch tỷ giá đã kết chuyển trong năm là 9.554.306.151 đồng).

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như :

+ Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng

+ Tăng cường những dịch vụ gia tăng để tăng chất lượng dịch vụ

+ Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được :

+ Năm 2012, Công ty tiếp tục đạt được một số thành tích trong SXKD, tiết giảm được chi phí quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Đồng thời Công ty giữ vững và tiếp phát triển được mạng lưới thân chủ, khách hàng lớn trong nước và quốc tế.

2. Tình hình tài chính :

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012
1	Tổng tài sản	461.385.510.432	483.674.358.122
2	Tổng nợ phải trả	253.023.149.292	264.144.134.376
3	Vốn chủ sở hữu	208.362.361.140	219.530.223.746
4	Tổng doanh thu	691.702.768.116	610.090.537.747
5	Lợi nhuận trước thuế	45.300.963.833	46.735.918.086
6	Lợi nhuận sau thuế	36.069.215.914	38.419.718.220

a) Tình hình tài sản :

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.373.292.091	2.050.668.026	33.424.095.659	4.769.758.429	93.617.814.205
Tăng trong năm	1.472.089.999	72.500.000	6.571.638.841	902.016.345	9.018.245.185
Giảm trong năm	(1.361.151.837)	-	(1.485.972.809)	(62.291.887)	(2.909.416.533)
Số cuối năm	53.484.230.253	2.123.168.026	38.509.761.691	5.609.482.887	99.726.642.857
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.420.259.038	1.064.849.708	21.932.524.074	4.086.739.182	54.504.372.002
Khấu hao trong năm	3.153.431.344	209.665.091	2.995.984.194	596.006.901	6.955.087.530
Giảm trong năm	(491.658.863)	-	(1.485.972.809)	(53.791.892)	(2.031.423.564)
Số cuối năm	30.082.031.519	1.274.514.799	23.442.535.459	4.628.954.191	59.428.035.968
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.953.033.053	985.818.318	11.491.571.585	683.019.247	39.113.442.203
Số cuối năm	23.402.198.734	848.653.227	15.067.226.232	980.528.696	40.298.606.889

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.228.736.363	197.522.284	14.426.258.647
Mua sắm mới (*)	-	1.860.879.300	1.860.879.300
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	14.228.736.363	2.058.401.584	16.287.137.947
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	174.381.593	137.473.310	311.854.903
Khấu hao trong năm	33.751.272	337.475.521	371.226.793
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	208.132.865	474.948.831	683.081.696
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.054.354.770	60.048.974	14.114.403.744
Số cuối năm	14.020.603.498	1.583.452.753	15.604.056.251

a.3) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.004.215.595	2.342.569.168	(3.346.784.763)	-	-
XDCB dở dang	33.479.385.860	1.275.200.055	(743.242.727)	(316.498.000)	33.694.845.188
Cộng	34.483.601.455	3.617.769.223	(4.090.027.490)	(316.498.000)	33.694.845.188

a.4) Tăng, giảm bất động sản đầu tư : các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	77.196.265.456
Đầu tư xây dựng mới	604.118.999
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	1.361.151.837
Số cuối năm (*)	79.161.536.292
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	10.338.804.781
Khấu hao trong năm	4.332.028.104
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	491.658.863
Số cuối năm	15.162.491.748
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	66.857.460.675
Số cuối năm	63.999.044.544

- Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau :

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	19.070.275.050	12.144.548.188
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.332.028.104	3.319.566.101
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	D.thu/ Tổng tài sản BQ	1,42	1,29
2	D.thu/ Tài sản dài hạn BQ	4,03	3,22
3	DT/Ng.giá TSCĐ BQ	3,71	3,24
4	LNST/ Tổng tài sản BQ	0,07	0,08
5	LNST/ Tài sản dài hạn BQ	0,21	0,20
6	LNST /Ng.giá TSCĐ BQ	0,19	0,20

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Số dư đầu năm dự phòng phải thu	1.601.528.305	1.520.962.515
2	Trích lập dự phòng bổ sung	152.635.836	280.771.690
3	Hoàn nhập dự phòng	(233.201.626)	(29.700.961)
4	Xử lý xóa nợ	-	(822.673.574)
5	Số cuối năm dự phòng phải thu	1.520.962.515	949.359.670
6	Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,34%	0,60%
7	Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	2,07%	1,35%

b) Tình hình nợ phải trả :

- Tình hình nợ hiện tại : Công ty không có nợ vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Khoản nợ vay người lao động trong năm 2012 đã được trả hết.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Nợ phải trả, trong đó :	253.023.149.292	264.144.134.376
Nợ ngắn hạn	247.447.711.135	260.441.026.724
Nợ dài hạn	5.575.438.157	3.703.107.652
Vốn chủ sở hữu	208.362.361.140	219.530.223.746
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,82	1,96
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,10	1,26
Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	1,21	1,20
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,01

- Công ty không có nợ phải trả không thể thanh toán.
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty :

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	10.508.751.117	9.970.303.930
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.508.751.117	9.554.306.151
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		415.997.779
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	5.361.857.865	1.304.713.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.325.008.115	1.304.713.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.849.750	
(A) – (B)	5.146.893.252	8.665.590.741
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	11%	19%

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty :

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Chi phí lãi vay	736.522.000	40.002.000
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	1,63%	0,09%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Phần mềm quản trị ERP đã được đưa vào sử dụng từ ngày 01/07/2012 và đang trong quá trình ứng dụng, hoàn thiện. Việc sử dụng phần mềm hiện nay đã có những hiệu quả nhất định, giúp cho công tác tài chính kế toán, tổ chức nhân sự và công tác quản trị được tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Xây dựng VOSA thành một công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển truyền thống, đại lý vận tải và logistics, thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics : tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức, khai thác cảng trong tương lai.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.

- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

- Năm 2012 là năm có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 3.298 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và hợp tác tốt.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2012.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Năm 2013, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn khi chưa có những dấu hiệu khởi sắc của sự phục hồi và cho thấy còn nhiều thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2013 như sau :

+ Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA trên cơ sở duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như : đại lý tàu, đại lý vận tải, logistics, liner, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v... trên cơ sở chiến lược chung của Tổng Công ty.

+ Phân đầu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước. Bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2013.

+ Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất : Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện như xe, cầu, trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài.

+ Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phân đầu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý.

+ Kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty đối với chi nhánh.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Xây dựng hệ thống thang, bảng lương mới cho phù hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Khẩn trương hoàn thiện Phần mềm Lemon3-ERP, đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa, đáp ứng các quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng lộ trình và các điều kiện cần thiết để đưa Công ty niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán vào năm 2015.

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT/HĐTV tại các Công ty khác
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	4
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	4
3	Trần Dũng Kháng	UV HĐQT	0,03	Thành viên không điều hành	0
4	Hoàng Hoa Phòng	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	1
5	Trịnh Vũ Khoa	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
6	Tô Hiếu Thuận (*)	UV HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ/HĐQT-NK2	21/02/2012	1. HĐQT thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 03/2011 (ngày 07/10/2011). 2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2011, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2012. 3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư đang triển khai trong năm 2011. 4. HĐQT thông qua kế hoạch về việc Tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác SXKD năm 2011, Hội nghị Người lao động năm 2012 và Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập VOSA (13/03/1957 – 13/03/2012). 5. HĐQT thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc v/v xây dựng Quỹ tiền lương năm 2011 của Ban điều hành Công ty.
2	02/2012/NQ/HĐQT-NK2	30/05/2012	1. HĐQT thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 01/2012 (ngày 20/02/2012). 2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011. 3. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kết quả SXKD 05 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD năm 2012, cụ thể là : doanh thu : 510 tỷ đồng và lợi nhuận : 38,5 tỷ đồng.

			<p>4. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư đang triển khai trong năm 2012.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua chủ trương giao cho VOSA Quảng Ninh tiến hành xây dựng đề án thành lập Công ty cổ phần Vận tải VOSA trình HĐQT xem xét và quyết định.</p> <p>6. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch về việc ĐHCĐ thường niên năm 2012 (tổ chức ngày 21/06/2012).</p> <p>7. Xem xét và thông qua kế hoạch tổ chức, các tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, gồm :</p> <p>7.1. Báo cáo thường niên năm 2011.</p> <p>7.2. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011.</p> <p>7.3. Tờ trình kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận 2012.</p> <p>7.4. Tờ trình kế hoạch lựa chọn công ty kiểm toán năm 2012.</p> <p>7.5. Tờ trình thông qua thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2012.</p> <p>8. HĐQT thông qua việc bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Trưởng ban kiểm soát từ nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát và đề cử ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng phòng QLĐT tham gia BKS VOSA.</p>
3	03/2012/NQ/HĐQT-NK2	21/06/2012	<p>1. HĐQT thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 02/2012 (ngày 30/05/2012).</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua việc ông Trần Dũng Kháng – Chủ tịch HĐQT VOSA thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ.</p> <p>3. Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2 (2009 – 2014) :</p> <p>- Nhất trí bầu ông Phạm Mạnh Cường giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT VOSA nhiệm kỳ 2 (2009 – 2014) kể từ ngày 22/06/2012.</p> <p>4. Bầu chức danh : Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2 (2009 – 2014) :</p> <p>- Nhất trí bầu ông Vũ Xuân Trung giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT VOSA nhiệm kỳ 2 (2009 – 2014) kể từ ngày 22/06/2012.</p> <p>5. Đề cử chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND) :</p> <p>- Nhất trí đề ông Trần Dũng Kháng từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT VOSA LAND.</p> <p>- Nhất trí đề cử ông Vũ Xuân Trung giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT VOSA LAND tại cuộc họp HĐQT của VOSA LAND sắp tới.</p>
4	04A/2012/NQ/HĐQT-NK2 (Xin ý kiến bằng văn bản)	06/08/2012	<p>1. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua việc Chấp thuận đề ông Phạm Mạnh Cường – Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty, để chuyên trách công tác của HĐQT.</p>
5	05/2012/NQ/HĐQT-NK2 (Xin ý kiến bằng văn bản)	04/09/2012	<p>1. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Hoàng Văn Thế tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu.</p>
6	04/2012/NQ/HĐQT-NK2	12/10/2012	<p>1. HĐQT thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 03/2012 (ngày 21/06/2012).</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kết quả SXKD 09 tháng đầu năm 2012.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư đang triển khai trong năm 2012.</p> <p>4. HĐQT thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2012, nhất trí tán thành lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán năm 2012 cho VOSA.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua đơn xin thôi việc của ông Nguyễn Thanh Ty - Quyền Giám đốc VOSA Nha Trang và giao Ban điều hành tìm nhân sự thay thế trước ngày 31/12/2012.</p> <p>6. Hội đồng quản trị thông qua việc bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công công tác của các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.</p> <p>7. Hội đồng quản trị thông qua việc sửa đổi màu sắc Logo của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.</p>

7	06/2012/NQ/ HĐQT-NK2 (Xin ý kiến bằng văn bản)	27/12/2012	<p>1. HĐQT nhất trí tiếp tục giao cho ông Hoàng Hoa Phòng – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Northfreight) kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam tại Lào Cai.</p> <p>2. Hội đồng quản trị nhất trí giao cho Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Northfreight) chịu trách nhiệm quản lý Văn phòng đại diện VOSA tại Lào Cai.</p> <p>3. Hội đồng quản trị nhất trí thay đổi tên và địa chỉ của Văn phòng đại diện tại Lào Cai, cụ thể như sau :</p> <p>- Tên mới: Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam tại Lào Cai.</p> <p>- Địa chỉ mới: số 036, đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.</p>
8	07/2012/NQ/ HĐQT-NK2 (Xin ý kiến bằng văn bản)	27/12/2012	<p>1. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Lê Thanh Hải tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Bùi Đức Toàn tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Dịch vụ hàng hải Phương Đông (Orimas).</p> <p>3. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Vạn tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng.</p> <p>4. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Nguyễn Hữu Cường tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn.</p> <p>5. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông Phan Văn Diệp tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ.</p>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành :

- Giúp cho HĐQT trong quan hệ với các cổ đông lớn của VOSA, tư vấn nâng cao khả năng quản lý tài chính và công tác quản trị công ty.

- Góp ý kiến cho HĐQT trong công tác tư vấn đầu tư, các vấn đề liên quan đến công ty đại chúng.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty :

- Ông Phạm Mạnh Cường.

- Ông Tô Hiếu Thuận.

2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng BKS	0,01	
2	Võ Trung Thắng	UV BKS	0,004	
3	Đặng Huy Lập	UV BKS	0,02	
4	Phùng Thị Nga	UV BKS	0,11	
5	Dương Như Hùng	UV BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Ban kiểm soát họp định kỳ 6 tháng/1 lần.

- Với số lượng 5 thành viên, trong năm 2012 Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất với HĐQT, Ban Điều hành, giám sát các hoạt động của Công ty và công tác quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động kinh doanh được minh bạch, lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông.

- Trong hoạt động của mình, Ban kiểm soát giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc đưa ra các quyết định, nghị quyết của HĐQT và việc quản lý của Ban điều hành trong việc tổ chức kinh doanh, quản lý vốn và tài sản của Công ty ...

- Bên cạnh những việc đã làm được, Ban kiểm soát còn một số mặt cần phải nỗ lực và chủ động hơn nữa như : chưa đóng góp được nhiều ý kiến cho việc quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a) Tiền thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

TT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)	Tiền thưởng (VNĐ)
1	Phạm Mạnh Cường	CT HĐQT	83.203.000	37.082.230
2	Vũ Xuân Trung	TV HĐQT kiêm TGD	69.141.000	37.082.230
3	Trần Dũng Kháng	TV HĐQT	79.688.000	46.352.789
4	Hoàng Hoa Phòng	TV HĐQT kiêm PTGD	63.281.000	30.901.858
5	Trịnh Vũ Khoa	TV HĐQT kiêm PTGD	63.281.000	30.901.858
6	Tô Hiếu Thuận	TV HĐQT	63.281.000	24.721.487
7	Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó TGD	24.000.000	24.721.487
8	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban KS	24.000.000	15.450.929
9	Võ Trung Thắng	TV BKS	39.600.000	15.450.929
10	Đặng Huy Lập	TV BKS	39.600.000	15.450.929
11	Phùng Thị Nga	TV BKS	39.600.000	15.450.929
12	Dương Như Hùng	TV BKS	39.600.000	15.450.929
	Cộng		628.275.000	309.018.584

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 102/2010/TT-BTC, Điều lệ và các qui chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các

quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty :**

- Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính : do Công ty có các công ty liên doanh với Nhật Bản, các công ty này có niên độ tài chính kết thúc vào 31/03 hàng năm, nên Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất còn chậm, chưa đúng 90 ngày theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC. Vì vậy việc công bố thông tin về Báo cáo này chưa kịp thời. Hàng năm Công ty có công văn giải trình với UBCK và cổ đông về vấn đề này.

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông chưa đúng thời hạn quy định : Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc :

+ Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và Tổng Giám đốc để thuận lợi cho công tác điều hành kinh doanh hàng ngày.

+ Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, trong năm 2013, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và Tổng Giám đốc điều hành.

VII. Báo cáo tài chính :

1. Ý kiến kiểm toán :

Số: 0379/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2013, từ trang 09 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ

các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ đối chiếu công nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các khoản mục sau:

Khoản mục	Số tiền (VND)	Thuyết minh
Người mua trả tiền trước	8.122.483.829	V.22
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.643.960.756	V.26
Vay và nợ dài hạn	3.078.906.000	V.29

Với những tài liệu hiện có ở Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản công nợ tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác, cũng như ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các khoản công nợ này đến kết quả kinh doanh.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1539/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294,034,608,567	272,514,553,625
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	180,438,636,959	152,677,941,966
1. Tiền	111		85,159,588,294	61,255,174,645
2. Các khoản tương đương tiền	112		95,279,048,665	91,422,767,321
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,000,000,000	1,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,000,000,000	1,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96,001,923,929	99,112,978,344
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	75,769,373,835	73,447,899,730
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,587,185,395	2,334,142,531
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	19,594,724,369	24,851,898,598
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(949,359,670)	(1,520,962,515)
IV. Hàng tồn kho	140		5,083,256	569,960
1. Hàng tồn kho	141		5,083,256	569,960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,588,964,423	19,223,063,355
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	538,894,572	322,131,253
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,283,443,562	5,095,034,002
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	93,013,658	216,498,357
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	10,673,612,631	13,589,399,743

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189,639,749,555	188,870,956,807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120,000,000	241,783,200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		120,000,000	241,783,200
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89,597,508,328	87,711,447,402
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40,298,606,889	39,113,442,203
<i>Nguyên giá</i>	222		99,726,642,857	93,617,814,205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59,428,035,968)	(54,504,372,002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15,604,056,251	14,114,403,744
<i>Nguyên giá</i>	228		16,287,137,947	14,426,258,647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(683,081,696)	(311,854,903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	33,694,845,188	34,483,601,455
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	63,999,044,544	66,857,460,675
<i>Nguyên giá</i>	241		79,161,536,292	77,196,265,456
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(15,162,491,748)	(10,338,804,781)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31,950,009,701	30,605,742,490
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	3,281,370,000	3,281,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	18,187,921,513	16,352,454,959
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	14,205,838,506	14,197,037,849
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(3,725,120,318)	(3,225,120,318)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,973,186,982	3,454,523,040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2,718,725,065	2,219,842,288
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	461,002,158	461,002,158
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	793,459,759	773,678,594
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483,674,358,122	461,385,510,432

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		264,144,134,376	253,023,149,292
I. Nợ ngắn hạn	310		260,441,026,724	247,447,711,135
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	-	4,400,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.21	61,988,774,591	44,783,879,039
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	15,523,720,437	21,925,381,638
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	7,917,951,964	8,456,997,044
5. Phải trả người lao động	315	V.24	39,105,889,981	34,921,769,356
6. Chi phí phải trả	316	V.25	13,624,544,139	14,711,932,748
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	112,171,201,793	104,898,224,110
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	10,108,943,819	13,349,527,200
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,703,107,652	5,575,438,157
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	624,201,652	157,138,032
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	3,078,906,000	3,078,906,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	-	1,499,194,125
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	840,200,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216,478,309,942	204,988,091,952
I. Vốn chủ sở hữu	410		216,478,309,942	204,988,091,952
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	116,500,000,000	116,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	8,502,894,889
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	31,539,986,745	26,162,611,821
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	8,404,017,511	6,611,559,203
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	8,384,352,423	6,790,802,453
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	51,649,953,263	40,420,223,586
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	3,051,913,804	3,374,269,188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483,674,358,122	461,385,510,432

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,651,190,480	828,516,905
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		3,861,378.63	2,888,152.11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

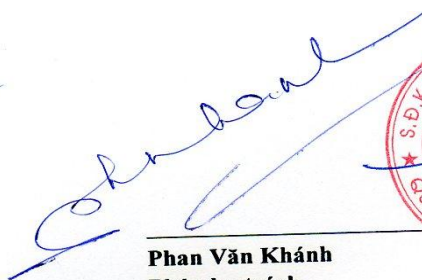
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	610,090,537,747	691,702,768,116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	610,090,537,747	691,702,768,116
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	528,092,729,378	604,284,181,777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81,997,808,369	87,418,586,339
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	24,332,015,921	27,657,930,129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,844,715,189	8,183,196,210
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40,002,000	736,522,000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	68,999,215,969	70,995,207,396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,485,893,132	35,898,112,862
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6,294,038,339	2,062,801,719
12. Chi phí khác	32	VI.7	5,000,176,301	708,612,387
13. Lợi nhuận khác	40		1,293,862,038	1,354,189,332
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	9,956,162,916	8,048,661,639
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46,735,918,086	45,300,963,833
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	8,316,199,866	9,692,750,077
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	-	(461,002,158)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38,419,718,220</u>	<u>36,069,215,914</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(322,355,384)	220,049,754
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>38,742,073,604</u>	<u>35,849,166,160</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3,325</u>	<u>3,077</u>



Võ Trung Thắng
Người lập biểu



Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		601,485,220,628	1,544,004,014,331
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(578,560,075,362)	(1,075,431,770,342)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(94,435,158,561)	(100,075,468,328)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	VI.4	(40,002,000)	(785,724,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.21	(9,848,009,187)	(12,676,180,442)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,650,134,999,883	1,468,677,216,267
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,527,511,160,577)	(1,883,603,909,480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,225,814,824	(59,891,821,994)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,10,11, VII.2	(15,741,209,736)	(22,510,853,104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	502,999,999	668,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.3	(17,700,000,000)	(190,835,575,830)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.3	18,000,000,000	192,704,334,652
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2,520,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,728,974,752
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.5	20,528,803,194	23,789,685,698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,590,593,457	4,024,747,986

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	4,860,768,249	2,635,851,146
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, V.29	(9,260,768,249)	(8,258,482,146)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(13,980,000,000)	(13,980,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,380,000,000)	(19,602,631,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28,436,408,281	(75,469,705,007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	152,677,941,966	224,812,921,955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(675,713,288)	3,334,725,018
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	180,438,636,959	152,677,941,966

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương); Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bất động sản Đại Lý Hàng hải Việt Nam	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%

6. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Không có Báo cáo tài chính do đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) ^(*)	Phòng 602, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

^(*) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) chưa được kiểm toán.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 732 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 731 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Tập đoàn đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Tập đoàn bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Tập đoàn không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Riêng quyền sử dụng đất tại xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh được khấu hao trong 43 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian từ 3 - 5 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong 3 năm

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

Hàng năm, Công ty mẹ sẽ trích lập Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và sẽ trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.

Ngoài ra, Tập đoàn sẽ trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh và Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát Công ty mẹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Tập đoàn. Việc trích lập các quỹ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm (mút xộp) được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận theo từng loại hình dịch vụ:

- Doanh thu đại lý tàu được ghi nhận khi tập hợp đầy đủ các chứng từ đầu vào có liên quan (bao gồm các khoản chi hộ) và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Doanh thu đại lý vận tải được ghi nhận theo quyết toán từng lô hàng đã hoàn thành dịch vụ trong kỳ do Phòng đại lý lập trên cơ sở trích trước các khoản chi phí có liên quan.
- Doanh thu khác được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành và đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.060.886.104	3.718.178.777
Tiền gửi ngân hàng ^(a)	83.098.702.190	57.536.995.868
Các khoản tương đương tiền ^(b)	95.279.048.665	91.422.767.321
Cộng	<u>180.438.636.959</u>	<u>152.677.941.966</u>

(a) Trong đó, khoản tiền ký ngân của các hãng tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.207.224.806 VND.

(b) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại Công ty mẹ.

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền phải thu của các chủ tàu, Đại lý vận tải và các khách hàng về dịch vụ đã cung cấp.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ ^(*)	1.191.185.395	1.313.894.131
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp liên quan đến xây dựng cơ bản (Vosa Quảng Ninh)	396.000.000	1.020.248.400
Cộng	<u>1.587.185.395</u>	<u>2.334.142.531</u>

(*) Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ về các khoản thu chi hộ: trả tiền cảng phí, hoa tiêu, dịch vụ cung cấp nước và các dịch vụ khác.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	438.096.039	617.013.527
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	180.864.613	293.270.387
Bảo hiểm xã hội	97.352.081	61.686.920
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.286.889.767	-
Thu chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	16.284.717.337	19.804.062.223
Khoản phải thu khác	1.306.804.532	4.075.865.541
Cộng	<u>19.594.724.369</u>	<u>24.851.898.598</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết phát sinh dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	949.359.670	1.520.962.515
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	143.802.826	79.642.695
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	116.851.507	74.992.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	688.705.337	1.366.327.036
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>949.359.670</u>	<u>1.520.962.515</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.520.962.515	1.601.528.305
Trích lập dự phòng bổ sung	280.771.690	152.635.836
Hoàn nhập dự phòng	(29.700.961)	(233.201.626)
Xử lý xóa nợ	(822.673.574)	-
Số cuối năm	<u>949.359.670</u>	<u>1.520.962.515</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	10.480.500
Công cụ, dụng cụ	3.744.200	-
Chi phí bảo hiểm	28.193.347	29.059.504
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	97.500.000	39.570.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	409.457.025	243.021.249
Cộng	<u>538.894.572</u>	<u>322.131.253</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.095.917.631	9.762.101.132
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	91.880.211
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.577.695.000	3.735.418.400
Ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	2.978.950.000	2.512.360.000
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	426.745.000	906.058.400
Ký quỹ mượn vỏ container lạnh của Vosa Quảng Ninh	-	300.000.000
Ký quỹ ngắn hạn khác	172.000.000	17.000.000
Cộng	<u>10.673.612.631</u>	<u>13.589.399.743</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.373.292.091	2.050.668.026	33.424.095.659	4.769.758.429	93.617.814.205
Tăng trong năm	1.472.089.999	72.500.000	6.571.638.841	902.016.345	9.018.245.185
Mua sắm mới	728.847.272	72.500.000	5.430.052.478	557.697.245	6.789.096.995
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	743.242.727	-	1.141.586.363	344.319.100	2.229.148.190
Giảm trong năm	(1.361.151.837)	-	(1.485.972.809)	(62.291.887)	(2.909.416.533)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.485.972.809)	(62.291.887)	(1.548.264.696)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(1.361.151.837)	-	-	-	(1.361.151.837)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối năm	53.484.230.253	2.123.168.026	38.509.761.691	5.609.482.887	99.726.642.857
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.929.396.484	595.532.010	14.169.116.359	3.029.447.076	24.723.491.929
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.420.259.038	1.064.849.708	21.932.524.074	4.086.739.182	54.504.372.002
Khấu hao trong năm	3.153.431.344	209.665.091	2.995.984.194	596.006.901	6.955.087.530
Giảm trong năm	(491.658.863)	-	(1.485.972.809)	(53.791.892)	(2.031.423.564)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.485.972.809)	(53.791.892)	(1.539.764.701)
<i>Phân loại sang bất động sản đầu tư</i>	(491.658.863)	-	-	-	(491.658.863)
Số cuối năm	30.082.031.519	1.274.514.799	23.442.535.459	4.628.954.191	59.428.035.968
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.953.033.053	985.818.318	11.491.571.585	683.019.247	39.113.442.203
Số cuối năm	23.402.198.734	848.653.227	15.067.226.232	980.528.696	40.298.606.889
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.228.736.363	197.522.284	14.426.258.647
Mua sắm mới (*)	-	1.860.879.300	1.860.879.300
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	14.228.736.363	2.058.401.584	16.287.137.947
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	113.122.284	113.122.284
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	174.381.593	137.473.310	311.854.903
Khấu hao trong năm	33.751.272	337.475.521	371.226.793
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	208.132.865	474.948.831	683.081.696
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.054.354.770	60.048.974	14.114.403.744
Số cuối năm	14.020.603.498	1.583.452.753	15.604.056.251
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Trong đó, phần mềm máy tính đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu, quyết toán với nhà cung cấp. Do vậy, Công ty đã tạm kết chuyển tài sản cố định vô hình để trích khấu hao theo quy định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 279.131.895 VND (thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.004.215.595	2.342.569.168	(3.346.784.763)	-	-
XDCB dở dang	33.479.385.860	1.275.200.055	(743.242.727)	(316.498.000)	33.694.845.188
<i>Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn (*)</i>	<i>32.342.586.378</i>	-	-	-	<i>32.342.586.378</i>
<i>Chi phí nâng cấp trụ sở tại Bãi Cháy Quảng Ninh, xây dựng mới khách sạn</i>	<i>161.498.000</i>	-	-	<i>(161.498.000)</i>	-
<i>Dự án xây dựng kho ngoại quan Móng Cái (Quảng Ninh)</i>	-	<i>743.242.727</i>	<i>(743.242.727)</i>	-	-
<i>Các công trình khác</i>	<i>975.301.482</i>	<i>531.957.328</i>	-	<i>(155.000.000)</i>	<i>1.352.258.810</i>
Cộng	34.483.601.455	3.617.769.223	(4.090.027.490)	(316.498.000)	33.694.845.188

(*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosaland) với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá

Số đầu năm	77.196.265.456
Đầu tư xây dựng mới	604.118.999
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	1.361.151.837
Số cuối năm (*)	79.161.536.292

Trong đó:

<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	373.399.090
--	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10.338.804.781
Khấu hao trong năm	4.332.028.104
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	491.658.863
Số cuối năm	15.162.491.748

Giá trị còn lại

Số đầu năm	66.857.460.675
Số cuối năm	63.999.044.544

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

(*) Trong đó, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng Công ty mẹ chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển bất động sản đầu tư để trích khấu hao theo quy định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 4.111.566.601 VND (thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	19.070.275.050	12.144.548.188
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.332.028.104	3.319.566.101
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

13. Đầu tư vào công ty con

Số dư cuối năm là khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH SYMS Việt Nam bị loại khỏi quá trình hợp nhất do không có Báo cáo tài chính.

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SYMS Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Cung cấp dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa	6.400.000.000 VND trương đương USD 400.000.000	51%	51%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	100.000.000.000 VND	51%	51%

(i) Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309586799 ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã đầu tư 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông (số đầu năm là 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam là 47.940.000.000 VND, trong đó chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty này với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty mẹ chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (thuyết minh V.11).

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	49%	8.672.592.169	49%	8.937.871.094
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	9.515.329.344	40%	7.414.583.865
Cộng		18.187.921.513		16.352.454.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Các khoản khác (*)</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (**)	8.937.871.094	-	6.594.721.075	(6.860.000.000)	8.672.592.169
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	<u>7.414.583.865</u>	<u>(168.046.662)</u>	<u>3.361.441.841</u>	<u>(1.092.649.700)</u>	<u>9.515.329.344</u>
Cộng	<u>16.352.454.959</u>	<u>(168.046.662)</u>	<u>9.956.162.916</u>	<u>(7.952.649.700)</u>	<u>18.187.921.513</u>

(*) Các khoản khác là khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và 11% lãi từ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 tại Công ty TNHH China Shipping Việt Nam.

(**) Tập đoàn hợp nhất Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty này.

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9.420.160.000		9.420.160.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	913.390	7.400.160.000	913.390	7.400.160.000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam - CTCP	200.000	2.020.000.000	200.000	2.020.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		4.785.678.506		4.776.877.849
- Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (*)		3.259.716.000		3.259.716.000
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen		525.962.506		517.161.849
- Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải		500.000.000		500.000.000
Cộng		<u>14.205.838.506</u>		<u>14.197.037.849</u>

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam) với tỷ lệ góp vốn là 51% nhưng có thỏa thuận nhận lãi cố định và không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty liên doanh Bông Sen: tăng do trong năm Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được chia lãi liên doanh nhưng để lại tăng vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	1.844.008.630	1.844.008.630
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	1.381.111.688	1.381.111.688
- Công ty TNHH SYMS Việt Nam	1.381.111.688	1.381.111.688
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	500.000.000	-
Cộng	3.725.120.318	3.225.120.318

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.225.120.318	1.381.111.688
Trích lập dự phòng bổ sung	500.000.000	1.844.008.630
Số cuối năm	3.725.120.318	3.225.120.318

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	274.918.358	251.186.546	(388.788.297)	137.316.607
Tiền thuê đất trả trước	1.891.555.338	647.739.000	(60.049.380)	2.479.244.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.368.592	167.672.393	(118.877.485)	102.163.500
Cộng	2.219.842.288	1.066.597.939	(567.715.162)	2.718.725.065

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	461.002.158	-
Phát sinh trong năm	-	461.002.158
Số cuối năm	461.002.158	461.002.158

19. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	781.459.759	759.678.594
Ký quỹ dài hạn khác	12.000.000	14.000.000
Cộng	793.459.759	773.678.594

20. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh quận 11 và vay ngắn hạn Cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.400.000.000	2.860.768.249	(7.260.768.249)	-
Cộng	4.400.000.000	4.860.768.249	(9.260.768.249)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán cung cấp dịch vụ (*)	61.988.774.591	43.877.456.717
Phải trả người bán liên quan đến xây dựng cơ bản	-	906.422.322
Cộng	<u>61.988.774.591</u>	<u>44.783.879.039</u>

(*) Số tiền còn phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ nâng hạ container, thuê kho, các dịch vụ thu chi hộ, ...).

22. Người mua trả tiền trước

Số tiền khách hàng trả trước về dịch vụ Công ty sẽ cung cấp.

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	608.923.974	9.865.672.385	(10.093.829.131)	380.767.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.308.596.442	8.316.199.866	(9.848.009.187)	1.776.787.121
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.075.696.043	5.834.401.907	(5.852.206.993)	1.057.890.957
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	17.105.748	(16.594.848)	510.900
Tiền thuê đất	860.256.500	2.692.388.268	(2.089.679.768)	1.462.965.000
Các loại thuế khác (*)	2.387.025.728	30.271.223.707	(29.512.232.335)	3.146.017.100
Cộng	<u>8.240.498.687</u>	<u>56.996.991.881</u>	<u>(57.412.552.262)</u>	<u>7.824.938.306</u>

(*) Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	23.729.850	33.493.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.820.255	17.820.255
Thuế cược	51.463.553	165.184.433
Cộng	<u>93.013.658</u>	<u>216.498.357</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoa hồng đại lý hàng xuất và hàng nhập	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, Khu chế xuất	0%
- Hoạt động vận tải thủy bộ, đại lý tàu, container, kho bãi, ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ 6 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên Công ty hết hạn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	8.316.199.866	9.273.239.015
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	-	419.511.062
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Tập đoàn	<u>8.316.199.866</u>	<u>9.692.750.077</u>

Tiền thuê đất

Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích 2.549,66 m² đất tại Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc (North Freight) và Đại lý Hàng hải Hải Phòng đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 11.324,1 m² đất tại Đại lý Hàng hải Quy Nhơn đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 10.000 m² đất tại đường Đào Trí, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế cược, thuế nhà thầu

Các khoản thuế nộp hộ cho các chủ tàu nước ngoài thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cảng biển Việt Nam ra nước ngoài, thuế lưu container.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương của Công ty được trích theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là 2.450 VND/1.000 VND lợi nhuận với chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đạt 575.000.000.000 VND/năm và chỉ tiêu lợi nhuận tối thiểu là 42.000.000.000 VND.

Chi tiết số dư cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ tiền lương chưa chi hết cho người lao động	22.105.889.981	20.921.769.356
Quỹ tiền lương dự phòng	17.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	<u>39.105.889.981</u>	<u>34.921.769.356</u>

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công trình XD CB chưa quyết toán khối lượng hoàn thành	4.390.698.496	9.062.599.093
Chi phí đại lý vận tải	3.184.347.460	529.266.279
Chi phí khác	6.049.498.183	5.120.067.376
Cộng	<u>13.624.544.139</u>	<u>14.711.932.748</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.229.866	20.702.897
Kinh phí công đoàn	1.729.037.521	1.541.664.129
Cổ tức phải trả	226.407.325	229.707.325
Lãi vay phải trả	-	257.998.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	183.673.000	270.723.000
Các khoản phải trả khác	110.015.854.081	102.577.428.759
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu (*)</i>	<i>94.655.918.328</i>	<i>88.689.094.028</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>4.391.636.755</i>	<i>2.832.073.554</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>5.637.645.752</i>	<i>5.637.645.752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>5.330.653.246</i>	<i>5.418.615.425</i>
Cộng	<u>112.171.201.793</u>	<u>104.898.224.110</u>

(*) Trong đó, các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.643.960.756 VND (bao gồm khoản nợ đang tranh chấp với số tiền là 8.342.091.909 VND).

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.349.527.200	18.252.731.678
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	3.943.408.278	5.479.634.015
Tăng khác	-	569.826.709
Chi quỹ trong năm	(7.284.097.461)	(8.918.261.932)
Chi bù đắp thuế TNDN truy thu từ các năm trước của North Freight	-	(1.099.889.193)
Hoàn nhập khoản bù đắp thuế TNDN truy thu từ các năm trước của North Freight nhưng không chi hết	100.105.802	-
Giảm khác (*)	-	(934.514.077)
Số cuối năm	<u>10.108.943.819</u>	<u>13.349.527.200</u>

(*) Giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

28. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả dài hạn khác phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận tiền ký quỹ thuê văn phòng Oceanpark của Europac Shipping	44.201.652	46.738.032
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	560.000.000	-
Các khoản khác	20.000.000	110.400.000
Cộng	<u>624.201.652</u>	<u>157.138.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.078.906.000	3.078.906.000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ^(a)	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>
Cộng	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

(a) Khoản vay dài hạn 3.078.906.000 VND # 1.980.000 RMP từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hồng Kông) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/4/1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Tổng nợ	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối năm	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.499.194.125	1.792.096.740
Số trích lập trong năm	-	1.031.541.746
Số chi trong năm	(214.840.625)	(692.540.459)
Hoàn nhập vào thu nhập khác	(1.284.353.500)	-
Giảm khác ^(*)	-	(631.903.902)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.499.194.125</u>

(*) Giảm quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	13.980.000.000	13.980.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>13.980.000.000</u>	<u>13.980.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để phục vụ đối ngoại, phát triển kinh doanh và bổ sung vốn điều lệ.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.374.269.188	14.191.988.364
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(322.355.384)	220.049.754
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển sang Công ty liên kết	-	(10.413.090.482)
Các khoản khác	-	(624.678.448)
Số cuối năm	<u>3.051.913.804</u>	<u>3.374.269.188</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	610.090.537.747	691.702.768.116
- Doanh thu đại lý tàu	90.466.582.053	109.611.080.600
- Doanh thu đại lý vận tải	371.800.704.902	431.230.984.190
- Doanh thu kiểm kiện	12.282.403.620	12.966.005.164
- Doanh thu kho ngoại quan	40.679.925.052	51.779.191.120
- Doanh thu hoa hồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu	-	3.228.175.153
- Doanh thu sản xuất kinh doanh mút xốp	16.024.480.922	9.130.994.564
- Doanh thu cho thuê sà lan, tàu lai	33.962.212.311	27.418.432.384
- Doanh thu cho thuê nhà kho, khách sạn	19.409.620.006	8.813.801.805
- Doanh thu dịch vụ khác	25.464.608.881	37.524.103.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>610.090.537.747</u>	<u>691.702.768.116</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	78.548.350.263	86.499.800.026
Chi phí vật liệu bao bì	19.470.123.287	10.601.942.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.459.288.303	8.683.048.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.413.178.377	469.804.952.750
Chi phí khác	38.201.789.148	28.694.437.246
Cộng	<u>528.092.729.378</u>	<u>604.284.181.777</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.300.654.486	12.145.290.793
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	668.785.561	1.089.328.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.392.271.944	2.339.536.466
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.554.306.151	10.508.751.117
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	415.997.779	-
Lãi bán ngoại tệ	-	942.079.879
Lãi chuyển nhượng vốn	-	271.454.501
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	361.488.963
Cộng	<u>24.332.015.921</u>	<u>27.657.930.129</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	40.002.000	736.522.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.304.713.189	5.325.008.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.849.750
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	1.844.377.626
Chi phí tài chính khác	-	240.438.719
Cộng	<u>1.844.715.189</u>	<u>8.183.196.210</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	42.471.523.946	41.079.250.421
Chi phí nguyên vật liệu	1.041.546.454	1.270.525.687
Chi phí công cụ dụng cụ	1.540.744.129	1.870.435.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.199.054.124	2.082.354.840
Thuế, phí, lệ phí	2.150.287.923	1.317.912.500
Chi phí dự phòng	363.710.169	218.250.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.039.234.772	12.899.804.230
Chi phí khác	8.193.114.452	10.256.673.748
Cộng	<u>68.999.215.969</u>	<u>70.995.207.396</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	502.999.999	668.181.818
Thu nhập từ lô hàng phôi thép bán trong năm	3.496.861.107	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	857.180.391	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.255.502.352	-
Các khoản thu nhập khác	181.494.490	1.394.619.901
Cộng	<u>6.294.038.339</u>	<u>2.062.801.719</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	461.250.000
Chi phí của lô hàng phôi thép bán trong năm	3.423.925.831	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.411.530.866	1.273.506
Các khoản chi phí khác	164.719.604	246.088.881
Cộng	<u>5.000.176.301</u>	<u>708.612.387</u>

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	6.594.721.075	6.877.385.339
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	3.361.441.841	1.171.276.300
Cộng	<u>9.956.162.916</u>	<u>8.048.661.639</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	38.742.073.604	35.849.166.160
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	38.742.073.604	35.849.166.160
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	11.650.000	11.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.325</u>	<u>3.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.650.000</u>	<u>11.650.000</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.511.669.741	11.872.468.670
Chi phí nhân công	121.019.874.209	127.579.050.447
Chi phí công cụ dụng cụ	1.540.744.129	1.870.435.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.658.342.427	10.765.403.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.452.413.149	482.704.756.980
Chi phí khác	48.908.901.692	40.487.274.250
Cộng	<u>597.091.945.347</u>	<u>675.279.389.173</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không được phép sử dụng khoản tiền người mua trả trước, số tiền 13.207.224.806 VND (xem thuyết minh số V.1) do các ràng buộc mà Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thực hiện với các hãng tàu.

2. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn đã ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các hợp đồng xây dựng cơ bản tại Vosa Quảng Ninh với số tiền là 396.000.000 VND (thuyết minh V.4).

Ngoài ra, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ (Vosa Quảng Ninh) và phần mềm máy tính đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển tài sản cố định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 4.390.698.496 VND (thuyết minh V.10, V.12 và V.25).

Công ty mẹ chưa nhận được 50% lợi nhuận năm 2011 được chia với số tiền là 1.286.889.767 VND từ Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (thuyết minh V.5).

3. Các giao dịch khác

Trong năm, Công ty mẹ đã chi tiền để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền lần lượt là 17.700.000.000 VND và 18.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Hiện tại, sổ sách kế toán của Công ty mẹ đang phản ánh khoản nợ phải trả Manuchar Hong Kong Limited số tiền là 8.342.091.909 VND (thuyết minh V.26). Tuy nhiên, Manuchar Hong Kong Limited lại khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 124.239.204.119 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD). Theo phiên hòa giải diễn ra ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 298.431.915 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD) Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.429.847.919	3.260.991.205
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	82.847.048	62.278.969
Phụ cấp	574.649.745	668.969.050
Tiền thưởng	1.773.146.926	879.936.950
Cộng	<u>5.860.491.638</u>	<u>4.872.176.174</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông góp vốn	51%

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	7.137.360.000	7.137.360.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là các dịch vụ về đại lý hàng hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu chuyển tiền trước vào tài khoản ký ngân đối với các hãng tàu nước ngoài. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.438.636.959	-	-	-	180.438.636.959
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.676.772.452	-	-	1.143.241.713	74.820.014.165
Các khoản phải thu khác	23.704.262.434	-	-	-	23.704.262.434
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	14.205.838.506	-	-	14.205.838.506
Cộng	278.819.671.845	14.205.838.506	-	1.143.241.713	294.168.752.064
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.677.941.966	-	-	-	152.677.941.966
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	70.294.192.240	-	-	1.632.744.975	71.926.937.215
Các khoản phải thu khác	29.006.038.285	-	-	-	29.006.038.285
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	14.197.037.849	-	-	14.197.037.849
Cộng	253.478.172.491	14.197.037.849	-	1.632.744.975	269.307.955.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	3.078.906.000	3.078.906.000
Phải trả người bán	61.988.774.591	-	-	61.988.774.591
Các khoản phải trả khác	124.458.767.187	-	-	124.458.767.187
Cộng	186.447.541.778	-	3.078.906.000	189.526.447.778
Số đầu năm				
Vay và nợ	4.400.000.000	-	3.078.906.000	7.478.906.000
Phải trả người bán	44.783.879.039	-	-	44.783.879.039
Các khoản phải trả khác	118.204.927.864	-	-	118.204.927.864
Cộng	167.388.806.903	-	3.078.906.000	170.467.712.903

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam cung cấp dịch vụ về đại lý tàu biển với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ USD và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,861,378.63	2,888,152.11
Phải thu khách hàng	697,001.29	1,723,151.45
Các khoản phải thu khác	139,633.00	229,360.40
Phải trả người bán	(1,406,495.32)	(1,173,091.29)
Các khoản phải trả khác	(2,109,754.96)	(2,959,697.78)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	1,181,762.64	707,874.89

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 2.564.698.328 VND (năm trước tăng/giảm 1.962.440.337 VND) do ảnh hưởng của lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty không đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty do các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ và đã được xem xét lập dự phòng giảm giá đầy đủ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.438.636.959	-	152.677.941.966	-	180.438.636.959	152.677.941.966
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.500.000.000	-	1.000.000.000	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	75.769.373.835	(949.359.670)	73.447.899.730	(1.520.962.515)	74.820.014.165	71.926.937.215
Các khoản phải thu khác	23.704.262.434	-	29.006.038.285	-	23.595.594.099	28.847.363.879
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.205.838.506	(2.344.008.630)	14.197.037.849	(1.844.008.630)	11.861.829.876	12.353.029.219
Cộng	295.118.111.734	(3.293.368.300)	270.828.917.830	(3.364.971.145)	291.716.075.099	267.305.272.279

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	3.078.906.000	7.478.906.000	1.352.580.134
Phải trả người bán	61.988.774.591	44.783.879.039	61.988.774.591	44.783.879.039
Các khoản phải trả khác	124.458.767.187	118.204.927.864	124.377.234.948	118.598.419.771
Cộng	189.526.447.778	170.467.712.903	187.718.589.673	169.030.624.981

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

 Võ Trung Thắng Người lập biểu	 Phan Văn Khánh Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán	 Vũ Xuân Trung Tổng Giám đốc
--	--	---



Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Xuân Trung